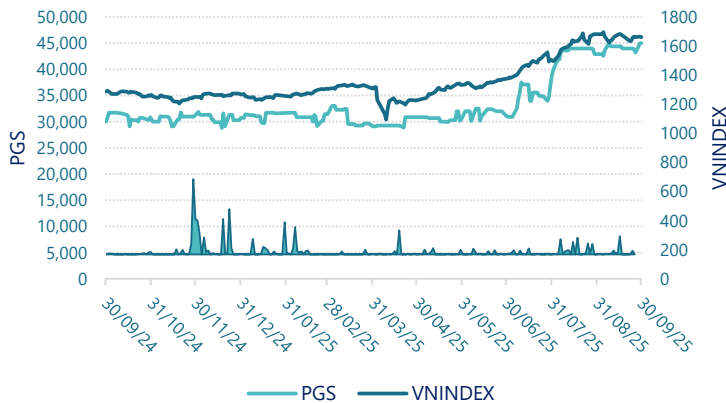




CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam (HNX: PGS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	45,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	45,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,799
SL cổ phiếu LH	49,998,794
KLGD BQ 20 phiên (CP)	90
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,250
P/E	18.9
EPS	2,386

DT thuần

Q3/25

1,494

tỷ VNĐ

QoQ: ▼184 | -11.0%

YoY: ▼148 | -9.0%

LN sau thuế

Q3/25

36.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.10 | 3.0%

YoY: ▲ 1.00 | 2.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.3%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

9T 2025

4,728

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.00 | 0.0%

LN sau thuế

9T 2025

101

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.40 | 3.4%

ROE

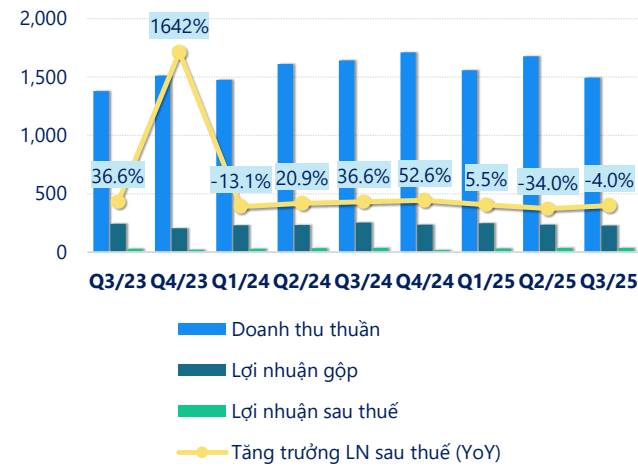
Q3/25

11.8%

+/- YoY: ▲ 0.2%

tỷ VNĐ

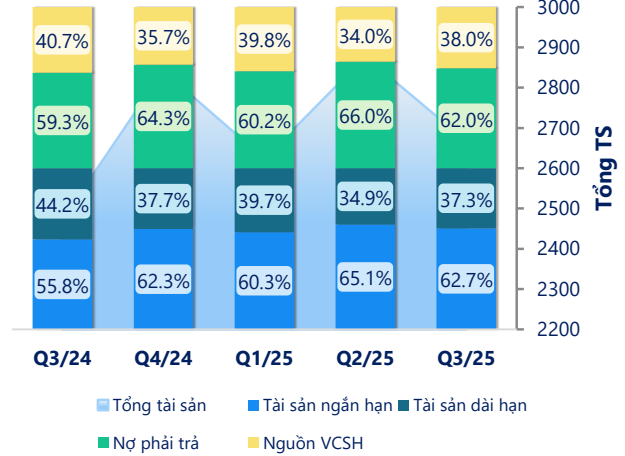
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

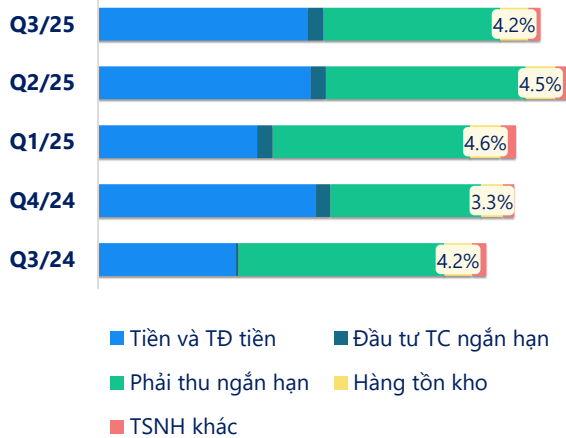
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



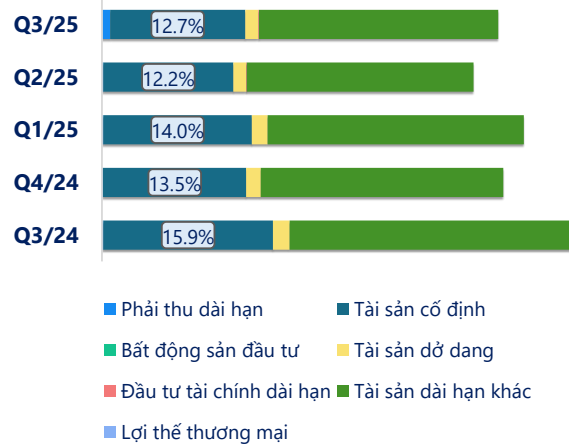
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

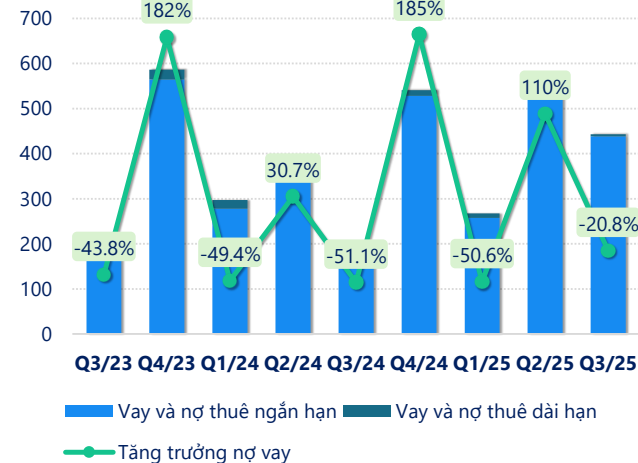
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

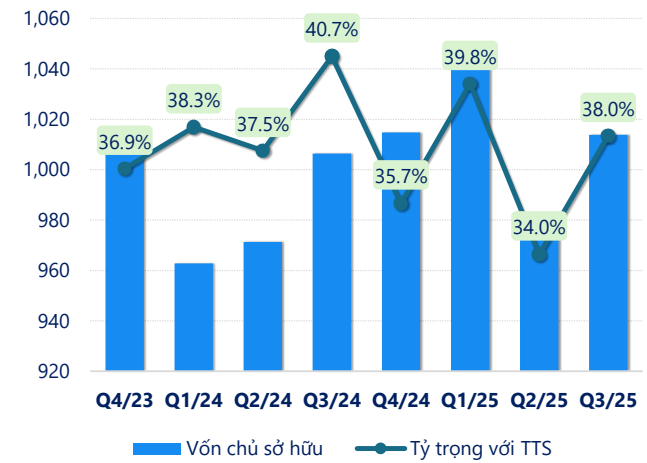
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

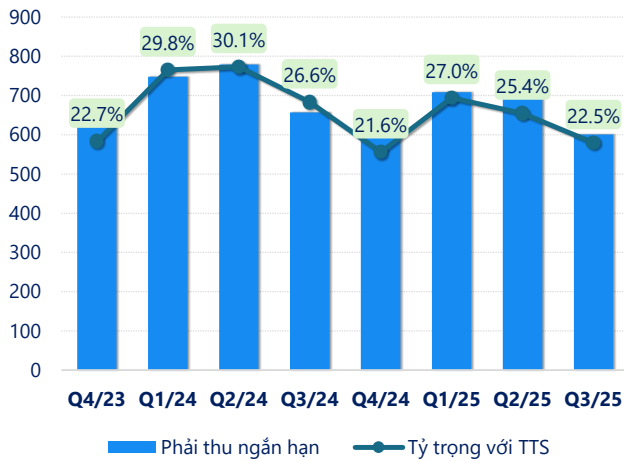
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



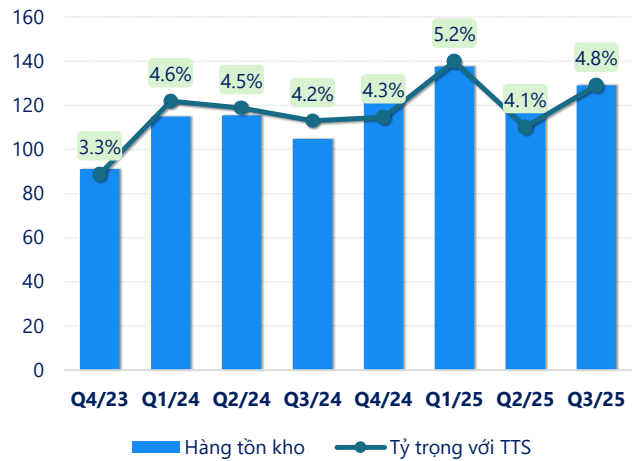
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


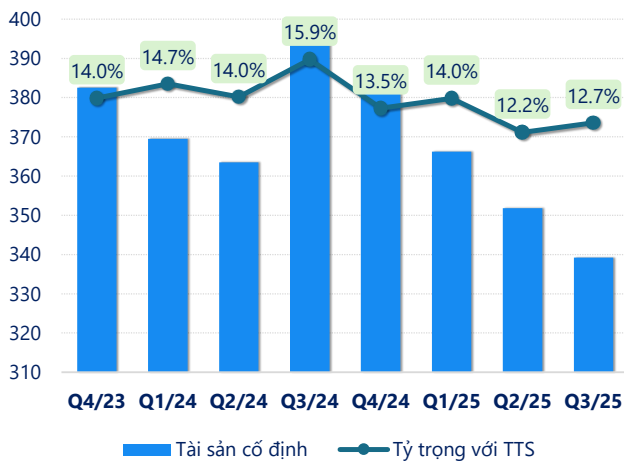
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


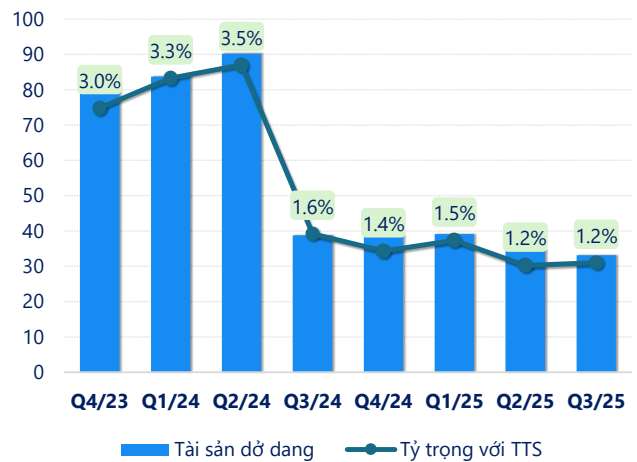
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

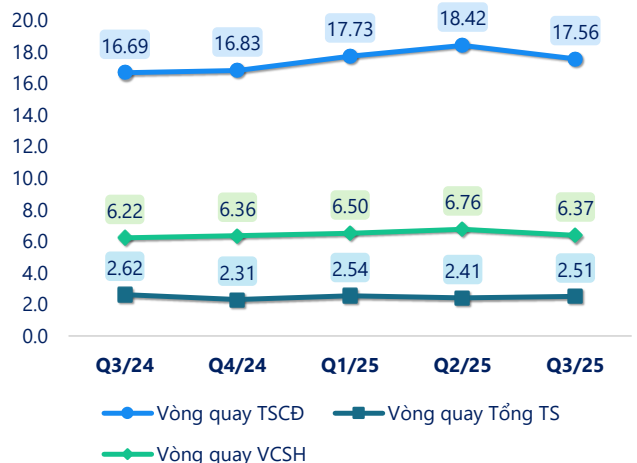
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,472	2,841	2,623	2,877	2,667
Tài sản ngắn hạn	1,379	1,769	1,583	1,872	1,673
Tiền và tương đương tiền	513	932	627	921	842
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.5	58.5	58.6	58.0	58.0
Phải thu ngắn hạn	657	614	708	732	601
Hàng tồn kho	105	122	138	119	129
Tài sản ngắn hạn khác	46.1	42.8	51.0	41.7	43.9
Tài sản dài hạn	1,093	1,072	1,041	1,005	994
Phải thu dài hạn	3.24	3.24	3.24	3.78	20.3
Tài sản cố định	394	382	366	352	339
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	38.8	39.0	39.2	34.8	33.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	1.03	1.03
Tài sản dài hạn khác	657	647	632	614	600
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,466	1,827	1,580	1,900	1,654
Nợ ngắn hạn	1,295	1,668	1,431	1,760	1,529
Vay và nợ thuê ngắn hạn	175	529	257	552	438
Phải trả người bán ngắn hạn	804	849	853	879	792
Nợ dài hạn	171	158	149	140	124
Vay và nợ thuê dài hạn	14.5	12.1	9.68	7.26	4.84
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,006	1,015	1,044	978	1,014
Vốn chủ sở hữu	1,006	1,015	1,044	978	1,014
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)